

ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG VỚI SỰ HÌNH THÀNH ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC MỚI Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Nguyễn Kim Dung*

Đại học Đông Dương là sự phản ánh sinh động mô hình giáo dục đại học Pháp ở Việt Nam thời thuộc địa. Là một trung tâm học thuật lớn ở Việt Nam nói riêng và ở Viễn Đông nói chung đương thời, trong gần 40 năm hoạt động, Đại học Đông Dương đã đào tạo được một đội ngũ trí thức mới có trình độ cao. Đội ngũ trí thức này có những đóng góp lớn vào công cuộc hiện đại hóa đất nước và phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Như trên đã khái quát, bài tham luận tập trung làm sáng tỏ hai vấn đề cơ bản: Đại học Đông Dương - điểm sáng đào tạo trí thức có trình độ cao; những nghiên cứu xung quanh đội ngũ trí thức Đại học Đông Dương: sự hình thành, cơ cấu, những đóng góp, vị trí trong tầng lớp trí thức và lịch sử Việt Nam thời thuộc địa.

1. Đại học Đông Dương đào tạo trí thức trình độ cao của Việt Nam thời thuộc địa

Ngày 16-5-1906, Toàn quyền Paul Beau ký Nghị định 1514a thành lập trường đại học đầu tiên của Việt Nam cũng là của Đông Dương. Nghị định quy định rõ: (Đại học Đông Dương) được thành lập ở Đông Dương dưới tên gọi *trường đại học*, một tập hợp các khóa đào tạo đại học cho các sinh viên xứ thuộc địa và các nước láng giềng. Cơ sở đào tạo có nhiệm vụ phổ biến ở Viễn Đông, *chủ yếu thông qua tiếng Pháp, những kiến thức về các ngành khoa học và các phương pháp châu Âu*. Trường đại học có thể *kết hợp với các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy đã hoặc sẽ thành lập ở thuộc địa*. Trường Đại học đặt dưới quyền trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương.

Theo Nghị định thành lập, trường Đại học Đông Dương sẽ đóng hai vai trò cơ bản: (1) trung tâm đào tạo đại học - bậc đào tạo cao nhất của hệ thống giáo dục Pháp; (2) trung tâm nghiên cứu khoa học và phổ biến tri thức khoa học Tây phương ở Viễn Đông.

Đại học Đông Dương là *trường đại học đa ngành*. Đại học Đông Dương gồm các trường: Cao đẳng Luật và Pháp chính, Cao đẳng Y - Dược, Cao đẳng Công chính, Cao đẳng Văn chương, Cao đẳng Khoa học, Cao đẳng Xây dựng.

Trường đặt trụ sở tại Hà Nội, địa điểm nay là số 14 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Cuối tháng 11 năm 1907, Đại học Đông Dương tổ chức lễ khai giảng đầu tiên, chính thức đi vào hoạt động. Từ năm 1907 đến năm 1945 (khi chính quyền thuộc địa

* Thạc sĩ Lịch sử

Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Pháp sụp đổ trong cuộc Cách mạng tháng Tám), hoạt động của Đại học Đông Dương có thể chia làm ba giai đoạn lớn:

Giai đoạn 1 (1906-1908): Đại học Đông Dương thành lập, đánh dấu sự xác lập mô hình giáo dục đại học Pháp ở Việt Nam. Trường ban đầu đào tạo 193 sinh viên, đến cuối năm học, chỉ còn 41 sinh viên năm thứ nhất. Trong hơn 1 năm, trường chưa có hoạt động gì đáng kể. Thêm nữa, hoạt động của trường *tỏ ra thiếu cơ sở thực tế* mà thể hiện rõ nhất là sự thiếu nguồn nhân lực cho giáo dục đại học cả về đội ngũ giảng viên lẫn đội ngũ sinh viên.

Dù bị đình giảng với tư cách trường đại học đa ngành, các trường thành viên vẫn tiếp tục hoạt động, tạo cơ sở cho gần 10 năm sau, năm 1917, Đại học Đông Dương hoạt động trở lại đúng với chức năng của trường đại học thực sự.

Giai đoạn 2 (1917-1929): Đại học Đông Dương hoạt động trở lại với tư cách trường đại học đa ngành. Năm 1917, với chính sách giáo dục chú trọng đặc biệt đến đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa trên quy mô lớn của Toàn quyền Albert Sarraut đã thúc đẩy nhanh chóng việc mở lại Đại học Đông Dương. Bộ Học chính Tổng quy cùng Nghị định ngày 25-12-1918 là hai văn bản có tính pháp lý quan trọng đối với tổ chức Đại học Đông Dương.

Đây là giai đoạn Đại học Đông Dương có nhiều trường cao đẳng, nhiều ngành đào tạo trực thuộc nhất: trường Y Đông Dương, trường Luật và Pháp chính, trường Công chính, trường Nông Lâm, trường Thú y, trường Sư phạm, trường Thương mại, trường Mỹ thuật, trường Cao học Đông Dương, trường Cao đẳng Văn khoa, trường Khoa học thực hành. Tuy nhiên, Đại học Đông Dương lúc này chưa có trường đại học nào ngang tầm với chính quốc cũng như chưa có ngành nào đào tạo ở bậc đại học mà chỉ dừng lại ở bậc cao đẳng, thậm chí trung cấp mà thôi.

Giai đoạn 3 (1930-1945): Nhà cầm quyền Pháp tổ chức một số trường đại học theo đúng tiêu chuẩn Pháp, như tuyên bố của Toàn quyền R. Robin: “để những người bản xứ có những văn bằng địa phương không có, tương đương ở chính quốc, có thể theo học để đảm nhiệm những chức vụ dành cho họ trong ban, ngành của thuộc địa...”¹. Giai đoạn này, Đại học Đông Dương có bước phát triển về chất. Chương trình đào tạo đại học, thậm chí trên đại học, được áp dụng ở một số trường như Đại học Y và Đại học Luật. Chất lượng giảng viên và sinh viên được nâng cao hơn. Hoạt động của trường cũng có nhiều biến động. Giáo dục đại học được Pháp chú trọng đầu tư, tổ chức lại, trở nên tương đối hoàn chỉnh và thực sự mang dáng dấp của nền giáo dục đại học hiện đại. Khác với giai đoạn trước, giảng viên phải là người Pháp, một số trí thức người Việt có trình độ cao được tham gia giảng dạy. Trường Cao đẳng Khoa học được thành lập nhằm đào tạo đội ngũ trí thức khoa học cơ bản cho thuộc địa.

¹ Trịnh Văn Thảo, *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2009, tr.356.

Quá trình hoạt động gần 40 năm của Đại học Đông Dương, dù có nhiều thăng trầm phụ thuộc vào chính sách của nhà cầm quyền và hoàn cảnh kinh tế - xã hội của thuộc địa, nhưng nhìn chung, nhà trường đại học đã hoàn thành *sứ mệnh là trung tâm học thuật của Pháp ở Viễn Đông*; trên cơ sở đó đã trở thành nơi đào tạo, định hình một thế hệ trí thức Tây học có trình độ cao của Việt Nam lúc bấy giờ.

Đại học Đông Dương được xây dựng nhằm xác định ý nghĩa khu vực của hệ thống thuộc địa Pháp ở Châu Á - Thái Bình Dương, cụ thể là *xây dựng Việt Nam trở thành trung tâm học thuật và nghiên cứu khoa học của khu vực*.

Nhằm đảm bảo sự gắn kết về học thuật với vai trò trung tâm là Đại học Đông Dương, song song với xây dựng trường đại học như một sự phản chiếu mô hình giáo dục đại học ở chính quốc, Pháp cũng không ngừng đầu tư xây dựng Viện Viễn Đông Bác Cổ trở thành một trung tâm nghiên cứu Đông phương học lớn ở Việt Nam. Năm 1908, khi Đại học Đông Dương đột ngột đình giảng với tư cách một trường đại học đa ngành, thì mọi học liệu cũng như hệ thống nhân sự, cơ sở vật chất kỹ thuật đều được chuyển về trực thuộc Viện Viễn Đông Bác Cổ. Bên cạnh Viện Viễn Đông Bác Cổ, Pháp còn chú trọng xây dựng một số viện khoa học tự nhiên như Viện nghiên cứu và điều chế vacxin ở Nha Trang do bác sĩ Alexandre Yersin đứng đầu, vào năm 1905, trực thuộc Viện Paster Paris nên còn gọi là Viện Paster Nha Trang. Viện Paster Nha Trang cùng trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương góp phần quan trọng vào sự phát triển của nền y học hiện đại Việt Nam, mở đầu là việc điều chế và phổ biến vacxin ngăn ngừa dịch bệnh.

Trên phương diện học thuật, Đại học Đông Dương có liên hệ chặt chẽ với Pháp, là *một bộ phận của giáo dục đại học Pháp ở thuộc địa*. Sau năm 1940, văn bằng của một số trường đại học trực thuộc Đại học Đông Dương như Đại học Y và Đại học Luật được công nhận tương đương văn bằng ở chính quốc, các kì thi tốt nghiệp luôn có giáo sư bên Pháp sang phụ trách; một số chứng chỉ của Cao đẳng Khoa học phải được hoàn thành ở chính quốc mới đủ điều kiện để sinh viên được cấp bằng cử nhân Khoa học.

Tại Đại học Đông Dương, mọi sinh viên đều học các ngành khoa học và chuyên môn bằng tiếng Pháp, được ấn định từ Nghị định thành lập trường 16/5/1906. Tiếng Pháp chính là con đường để tất cả những ai là người Việt Nam muốn hội nhập vào nền văn hóa Pháp một cách nhanh chóng và đầy đủ nhất. Ảnh hưởng của văn hóa Pháp đến các sinh viên của trường càng trực tiếp, đậm đặc và có chiều sâu.

Nhìn vào cơ cấu tổ chức trường Đại học Đông Dương cho thấy trường đã *tập trung đầy đủ các ngành khoa học cơ bản gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội* đương thời. Khoa học tự nhiên có Toán học, Hóa học, Sinh học, Vật lý học... Khoa học kỹ thuật có Kiến trúc, Xây dựng, Địa chính, Y học, Dược học, Nông học... Khoa học xã hội: Luật học, Kinh tế học, Văn học, Sử học, Khảo cổ học, Dân tộc

học, Triết học, Mỹ thuật... Và nhiều ngành chuyên môn ứng dụng như: Thủy lợi, Giao thông, Sư phạm, Báo chí...

Từ năm 1931, khi yêu cầu xây dựng Đại học Đông Dương được đẩy lên một bước, chất lượng đội ngũ giảng viên được nâng cao với trình độ bắt buộc là: bằng thạc sĩ ngành đại học đối với Luật và Y, Dược; bằng tiến sĩ Văn khoa hay Khoa học cho các môn khác, thì trường đã trở thành *nơi tập trung các nhà khoa học của Pháp đến công tác và giảng dạy*. Trong năm học 1931-1932, trường Đại học Đông Dương có 14 giáo sư và 102 giảng viên. Phần lớn các giáo sư tập trung ở trường Y.²

Trường Cao đẳng Sư phạm lôi cuốn đội ngũ giảng viên từ các trường văn học lớn của Pháp như trường Chartes, trường Cao đẳng Sư phạm... Trường Cao đẳng Mỹ thuật với những nỗ lực của Hiệu trưởng V.Tardieu đã thu hút được lực lượng giảng viên giỏi, hầu hết đạt giải thưởng Mỹ thuật danh tiếng Khôi nguyên La Mã đến giảng dạy... Trường Cao đẳng Khoa học (thành lập năm 1941), các giảng viên đều là các tiến sĩ, thạc sĩ ở Pháp sang giảng dạy. Là trường đào tạo chuyên ngành khoa học tự nhiên, đòi hỏi trình độ giảng viên của trường Khoa học rất cao, Hoàng Xuân Hãn tốt nghiệp thạc sĩ khoa Toán trường Đại học Sorbonne nhưng chỉ được chức Giảng sư (trợ giảng) tại trường.

Trường Mỹ thuật Đông Dương thường xuyên cử các họa sĩ, các sinh viên xuất sắc tham dự các triển lãm hội họa nổi tiếng ở châu Âu như: Triển lãm thuộc địa tại Paris năm 1931, Triển lãm tại Salon các nghệ sĩ Pháp tại Paris năm 1933... Hoạt động đào tạo của trường đã cho phép các sinh viên và các họa sĩ Việt Nam tương tác trực tiếp với hội họa phương Tây.

Học tập và sinh hoạt khoa học tại Đại học Đông Dương, sinh viên Việt Nam được đắm mình trong môi trường học thuật Pháp hiện đại nhất Viễn Đông; được hấp thụ trực tiếp và mạnh mẽ tri thức khoa học và văn hóa phương Tây. Đồng thời qua đó cũng thể hiện rõ ham muốn của nhà cầm quyền muốn đào tạo ra một bộ phận trí thức Tây học cao cấp của xã hội Việt Nam. Con đường thi tuyển và học tập tại Đại học Đông Dương không hề dễ dàng, do đó, những trí thức này thực sự tài năng, được đào tạo bài bản, và có chuyên môn trên nhiều lĩnh vực khoa học, văn hóa hiện đại.

Vấn đề đào tạo trí thức trong nhà trường đại học Pháp được thể hiện trên nhiều phương diện như tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo, số lượng và chất lượng đào tạo..., được cụ thể trong hoạt động của từng trường thành viên³. Trong tham luận này, chúng tôi tập trung nhấn mạnh *tính định hướng của trường đại học đa ngành - Đại học Đông Dương, trong đào tạo trí thức trình độ cao*.

² Trịnh Văn Thảo, *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2009, tr.165.

³ Về vấn đề đào tạo trí thức tại trường Đại học Đông Dương, xin xem thêm Nguyễn Kim Dung, *Đại học Đông Dương với sự hình thành tầng lớp trí thức Việt Nam thời thuộc địa*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014.

Mô hình đào tạo đại học của Đại học Đông Dương đem đến cho sinh viên các học liệu mới, quan điểm học thuật mới, phương pháp học tập và nghiên cứu mới, lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp mới, đặc biệt là cách thức tư duy hiện đại.

Phương pháp luận, cách thức tư duy hiện đại chính là giá trị quan trọng hàng đầu mà Đại học Đông Dương đem lại cho các trí thức được đào tạo từ đó. Và đây cũng chính là đóng góp cơ bản của Đại học Đông Dương cho cuộc hiện đại hóa Việt Nam thời thuộc địa: *đào tạo ra những “người Việt Nam hiện đại ưu tú”*. Đó là cách tư duy phương Tây, duy lý, được hỗ trợ bởi triết học, hệ giá trị thẩm mỹ, thành tựu của khoa học thực nghiệm cùng văn minh vật chất Tây phương.

Khái niệm “thư viện” lúc bấy giờ với người đi học là rất mới mẻ. Những sách báo, tài liệu từ phương Tây hiện đại được chuyển về các thư viện ở các trường đại học, ở Viện Viễn Đông Bác Cổ, cho phép sinh viên Việt Nam thông thạo tiếng Pháp có thể đọc và tiếp thu trực tiếp các tri thức khoa học - vốn quý của phương Tây.

Chưa kể, phòng thí nghiệm được thiết lập và sử dụng cho các sinh viên khoa học thực hành, các phương pháp nghiên cứu thực tế được cung cấp, cho phép họ tiếp nhận trực tiếp các phương pháp mới mẻ của khoa học thực nghiệm, mà nền học vấn Nho giáo chưa bao giờ có.

Chương trình học của một sinh viên chuyên ngành sẽ được đan xen nhiều môn học có các chuyên ngành khác phụ trợ, đảm bảo có nền tảng khoa học cơ bản và liên ngành. Thêm nữa, sinh viên trường này có thể học dự thính ở trường khác có chuyên ngành gần nhất, như sinh viên Công chính có thể dự thính ngành Kiến trúc ở Cao đẳng Mỹ thuật. Hoạt động liên kết đào tạo giữa các trường cũng được trú trọng. Từ năm 1941, sinh viên muốn vào học trường Đại học Y thì phải hoàn thành chứng chỉ Lý Hóa Sinh (PCN: Sciences Physiques Chimiques et Naturelles) tại trường Cao đẳng Khoa học.

Nền giáo dục đại học Pháp ở Việt Nam đã mang đến không chỉ mô hình mà còn cả một hệ thống lý luận giáo dục mới của Tây phương. Đó là những lý luận chính trị chống chế độ phong kiến của giai cấp tư sản ít nhiều được ẩn hiện trong chương trình học dù bị thực dân hạn chế vì mưu đồ chính trị. Đó là những lý luận về xây dựng và giáo dục con người mới, về nhân sinh quan và lý tưởng con người, những triết lý sâu sắc về văn hóa nhân loại. Trong giáo dục con người mới, giáo dục thời kỳ này đề cao giá trị nhân bản⁴. Con người cần được rèn luyện cả trí dục lẫn đức dục, thể dục, mỹ dục, xã giao, vệ sinh và sử dụng Văn học làm nòng cốt.

Phải chăng, cũng vì lẽ đó mà môn Văn học Pháp rất được chú trọng, qua đó cũng nhằm phát huy ảnh hưởng của văn hóa Pháp. Qua văn học Pháp, sinh viên có thể hiểu cách cấu tạo và phát triển của tư tưởng mới. Chương trình Văn học được dạy kỹ càng tại

⁴ Nguyễn Mạnh Tường, *Lý luận giáo dục châu Âu: Từ Érasme tới Rousseau thế kỷ XVI, XVII, XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr.69-70.

các trường đại học kể cả các trường kỹ thuật đã tạo cho các sinh viên, sau này là các trí thức có tâm hồn văn chương ảnh hưởng mạnh mẽ của văn học Pháp, lối sống Pháp, nhiều người trong số họ đã trở thành những trí thức đi đầu trong phong trào hiện đại hóa nền văn học nước nhà.

Thậm chí, người Pháp còn có ý định thành lập một trường cao đẳng thể dục ở Việt Nam. Đồng thời chỉ ra rằng, người học phải học mọi nơi, mọi lúc nhưng phải học mà vui, vui mà học, bên cạnh học ở sách vở thì phải học ở thực tế, học ở người, mỗi người thầy sẽ dạy một chuyên môn nhất định.

Giáo dục đại học cho phép đào tạo trí thức trở thành những nhà chuyên môn giỏi, có cách tư duy độc lập theo từng chuyên ngành đào tạo, có cách thức làm việc trí óc đặc thù ngành nghề; đồng thời có phương pháp nghiên cứu, phương pháp luận khoa học hiện đại.

Hệ thống các trường khoa học cơ bản như trường Sư phạm, Cao học Đông Dương, Cao đẳng Khoa học Đông Dương cùng Viện Viễn Đông Bác Cổ và các viện nghiên cứu khoa học tự nhiên khác đã mang đến tri thức chuyên sâu và phương pháp nghiên cứu hiện đại của khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển đội ngũ các nhà khoa học.

Trường Sư phạm mang đến cho nền giáo dục hiện đại Pháp-Việt đang hình thành và ngày càng được mở rộng một đội ngũ thầy giáo được đào tạo chuyên nghiệp với phương pháp sư phạm của phương Tây, khác hoàn toàn với phương pháp dạy dỗ của các thầy đồ - vốn là những nhà Nho không hề được đào tạo nghiệp vụ sư phạm, dạy theo lối tự biên tự diễn - trước đây.

Khoa Văn học được mở tại trường Sư phạm đào tạo các giáo viên dạy văn chương, sử, địa và trở thành một trong những cái nôi đào tạo đội ngũ nhà văn hiện đại của Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Trường Y mang đến nền y học hiện đại, gọi là Tây y, khắc phục nhược điểm vốn có từ ngàn năm của Đông y. Vào thời điểm đó, người Pháp cho rằng việc chữa trị theo Đông y sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng con người, và ở xứ nhiệt đới nhiều bệnh dịch và truyền nhiễm thì cần phải gấp rút áp dụng Tây y vào chữa bệnh. Vaccin được nhập vào Việt Nam có vai trò đi đầu trong công tác kiểm soát dịch bệnh. Những cử nhân tốt nghiệp trường Y Dược trở thành những bác sĩ, dược sĩ làm việc tại các bệnh viện, phòng khám tư nhân, các hiệu thuốc Tây.... Nghề bác sĩ Thú y chuyên chữa trị cho các con vật nuôi tại gia đình và tại các trang trại, cơ sở chăn nuôi là một nghề rất mới mẻ, chưa hề có trong truyền thống chữa bệnh của phương Đông.

Lần đầu tiên người Việt biết đến các khoa học thực nghiệm mới như Lý học, Hóa học, Sinh học... khi những khóa học về các khoa học này được tổ chức và giảng dạy bài bản tại trường Cao học Đông Dương, sau đó là ở trường Cao đẳng Y và sau năm 1941 tại

trường Cao đẳng Khoa học Đông Dương. Nền khoa học cơ bản của phương Tây đã được du nhập mạnh mẽ vào Việt Nam qua con đường giáo dục đại học và các cử nhân khoa học cơ bản ra đời mà lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp mạnh mẽ nhất của họ là nghề dạy học. Họ là những người đi đầu trong truyền thụ những kiến thức khoa học cơ bản một cách bài bản nhất trong nhà trường Việt Nam.

Xưa kia ở Việt Nam đã có những người làm nhiệm vụ đo đạc, xây dựng đường xá, đê điều, nhưng chưa bao giờ có một chuyên khoa nào. Sự ra đời của trường Công chính với nhiều ngành đào tạo khác nhau về đo đạc, thi công các công trình, đã cung cấp một nguồn nhân lực có trình độ và phương thức lao động mới. Người Việt có một nền kiến trúc truyền thống khá phong phú với biểu tượng là cây thước tầm và người thợ cả, thì với sự ra đời của ngành xây dựng (công trình sư tại trường Công chính) và ngành kiến trúc (kiến trúc sư tại trường Cao đẳng Mỹ thuật) đã du nhập phong cách kiến trúc và xây dựng mới theo phương Tây. Các đô thị hiện đại với lối quy hoạch và kiến trúc phương Tây được mọc lên và ngày càng thể hiện sự tiện lợi và hiện đại của phương Tây hóa.

Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đã dần hình thành nên một truyền thống mới trong mỹ thuật, đó là một nền thẩm mỹ mới ảnh hưởng phong cách hội họa phương Tây. Trường cũng hướng tới việc bồi dưỡng tư duy sáng tạo mang tính thực tiễn và ứng dụng của các nghệ sĩ bản địa này. Sự phát triển của trường Mỹ thuật cùng với việc mở rộng các ngành đào tạo, đặc biệt là hội họa ứng dụng như: Gốm, Đồ gỗ, Trạm khắc, Kiến trúc... đem đến sự mới mẻ và chuyên nghiệp so với hội họa phương Đông - vốn là một thú chơi tài hoa của các bậc tao nhân mặc khách. Họa sĩ dần trở thành một nghề có tính chuyên nghiệp trong xã hội.

Trường Thương mại đào tạo các cử nhân thương mại nhằm cung cấp đội ngũ nhân viên làm việc trong ngành mới - ngành Thương mại của nền kinh tế hàng hóa tại Việt Nam thuộc địa, thay đổi hẳn với quan niệm truyền thống coi nhẹ buôn bán và đội ngũ nhà buôn. Đồng thời, lý thuyết kinh tế, các kỹ năng kinh doanh được giảng dạy trong trường Thương mại.

Trường Canh nông đào tạo kỹ sư canh nông đánh dấu sự chuyển biến của nền nông nghiệp theo hướng hiện đại song hành cùng dấu chân của thực dân Pháp đặt chân kinh doanh vào lĩnh vực nông nghiệp - trước kia vốn mang nặng tính tiểu nông của người Việt...

Tuy nhiên, số lượng sinh viên đào tạo tại Đại học Đông Dương rất hạn chế. Nếu so sánh với dân số năm 1942 ở Việt Nam, theo Pháp ước lượng khoảng 20.600.000 người thì trong 1 triệu người dân mới có 38 người được theo học ở bậc đại học và cao đẳng. Năm 1941-1942, toàn Đông Dương chỉ có vven vẹn 3 trường gọi là “đại học” đặt tại Hà Nội với tổng số sinh viên là 834 người, trong đó trường Luật: 345 sinh viên (Việt Nam: 224), trường Y Dược: 282 sinh viên (sinh viên Việt Nam: 234), trường Khoa học: 207

sinh viên (Việt Nam: 170). Bên cạnh các trường đại học còn có 4 trường gọi là “cao đẳng” với tổng số sinh viên toàn Đông Dương là 201 người: Đó là trường Cao đẳng Mỹ thuật: 66 sinh viên (Việt Nam: 49), trường Nông Lâm: 59 sinh viên (Việt Nam: 43). Trường Thú y có 14 sinh viên đều là Việt Nam. Lớp chuyên môn cán sự viên có 62 người thì Việt Nam là 61. (xem Bảng dưới)

Bảng: Trường Đại học Đông Dương năm 1941-1942

	Bắc Kỳ	Trung Kỳ	Nam Kỳ	Cao Miên	Lào	Pháp	Trung Quốc	Khác	1941-1942
Khoa luật	160	40	34	1	1	101	5	3	345
Y dược	90	47	87	3	4	46	4	1	282
Khoa học	103	35	32	1	0	34	1	1	207
Cao đẳng Mỹ thuật	26	4	19	0	0	12	5	0	66
Cao đẳng canh nông	17	15	10	2	1	13	0	0	59
Cao đẳng công chính	31	22	8	1	0	0	0	0	62
Thú y	10	2	2	0	0	0	0	0	14
Tổng cộng	437	166	192	8	6	206	15	5	1.035

Nguồn: Trịnh Văn Thảo, Nhà trường Pháp ở Đông Dương, sđd, tr.177, 178.

Bên cạnh tính tích cực của nhà trường đại học hiện đại, chương trình đào tạo của Đại học Đông Dương cũng có một số hạn chế nhất định bắt nguồn từ sự khác biệt văn hóa giữa hai dân tộc, hai ngôn ngữ, những vấn đề bất cập về đội ngũ giảng viên... Hậu quả là nhiều mục tiêu giáo dục đã không đạt được, số lượng sinh viên được đào tạo ít, chất lượng không đồng đều giữa các trường trực thuộc, số lượng sinh viên được cấp bằng còn ít hơn. Cũng trong niên học 1941-1942, số sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng ở Bắc Kỳ - trung tâm của nhà trường đại học Pháp ở Đông Dương, được cấp bằng chỉ có 207 người trên tổng số 437 sinh viên theo học. Niên học 1940-1941, con số sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng ở Bắc Kỳ còn thấp hơn, 128 người.⁵ Các sinh viên vượt qua các kì thi để được cấp bằng rất khó khăn. Tỷ lệ thi đậu các chứng chỉ của trường Cao đẳng Khoa học chỉ khoảng 5 % đến 30 %, thậm chí nhiều kì thi không có ai đỗ cả.⁶

Bên cạnh đó, do mưu đồ thực dân trong chính sách giáo dục, tư tưởng kì thị dân tộc bị đưa vào chương trình đào tạo, nhằm xóa bỏ ảnh hưởng của văn hóa truyền thống, khống chế, ép buộc các trí thức thành những người “vong bản”. Không ít trí thức Đại học Đông Dương đã tham gia vào chính quyền thuộc địa, được Pháp dung dưỡng. Một số trở thành tay sai của chính quyền thực dân, gây thiệt hại không nhỏ cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

⁵ Trịnh Văn Thảo, *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, sđd, tr.177, 178.

⁶ Nguyễn Kim Dung, *Đại học Đông Dương với sự hình thành tầng lớp trí thức Việt Nam thời thuộc địa*, tldđ, tr.69.

2. **Đội ngũ trí thức mới đào tạo từ Đại học Đông Dương**

Về số lượng, như khảo sát ở trên, trí thức Đại học Đông Dương rất ít. Niên học 1943-1944, là niên học đông nhất của Đại học Đông Dương, tổng số sinh viên là 1.111 sinh viên.⁷ Trong tổng số 222 trí thức đại diện các thế hệ năm 1862, 1907 và 1925 mà Trịnh Văn Thảo thống kê để tiến hành nghiên cứu bằng phương pháp xã hội học lịch sử trong thời gian từ năm 1862 đến năm 1954⁸, chỉ có 33 trí thức từng học và tốt nghiệp Đại học Đông Dương, chiếm 14,9%⁹. Kết quả nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng, dù đóng vai trò là trung tâm đào tạo trí thức có trình độ cao tại Việt Nam, Đại học Đông Dương chỉ cung cấp 1/7 trí thức “tinh hoa” lúc đó (Xem Phụ lục).

Về xuất thân, phần lớn các trí thức này đều xuất thân từ tầng lớp trung lưu, thượng lưu trong xã hội. Những người có nguồn gốc từ văn thân, sĩ phu chiếm tỷ lệ lớn nhất (15/33 ≈ 45,5 %). Do đó, nhóm trí thức được đào tạo tại Đại học Đông Dương có một đặc điểm rất dễ nhận thấy là sự tiếp nối truyền thống của các nho sĩ. Điều này được thể hiện rõ nét ở mặt lựa chọn nghề nghiệp. Trong hệ thống nghề nghiệp rất phong phú của xã hội hiện đại, nhiều trí thức đào tạo từ Đại học Đông Dương đã lựa chọn nghề viết lách hoặc kết hợp nghiệp chữ nghĩa văn chương với công việc chuyên môn của mình để kiếm sống (Xem Phụ lục). Mặt khác, do truyền thống muốn thăng tiến trên hoạn lộ, số sinh viên trường Luật luôn đông nhất trong các niên học (345/1035 sinh viên niên học 1941-1942), do đó số Luật sư và các trí thức làm việc trong công sở chính quyền thuộc địa khá đông đảo. Tiếp đến là những trí thức xuất thân từ gia đình viên chức hoặc từng là viên chức chính quyền thuộc địa (5/33 ≈ 15,15%). Còn lại là xuất thân từ các tầng lớp khác như nông dân, điền chủ, chủ thầu khoán, tiểu thương... (13/33 ≈ 39,35%). Từ đó cho thấy, số trí thức này lớn lên chủ yếu ở thành phố, thị xã hiện đại. Đại học Đông Dương đặt trụ sở ở Hà Nội, do đó, Hà Nội trở thành nơi tập trung đông nhất các trí thức trình độ cao.

Về giới tính, trong tổng số 33 trí thức được khảo sát, chỉ có trường hợp duy nhất là nữ: nhà thơ Tương Phố (3%). Tỷ lệ vô cùng ít ỏi. Ngoài ra còn kể đến sự góp mặt của một nữ trí thức mang tên Hoàng Thị Nga được Giám đốc học chính Thalamas tiến cử làm giảng viên Đại học Y, một vài nữ họa sĩ tại trường Đại học Đông Dương (họa sĩ Lê Thị Lưu...). Điều này là thực tế của xã hội thuộc địa đi lên từ xã hội Khổng giáo, nơi khoa danh chỉ dành cho nam giới. Tuy nhiên, sự góp mặt của các nữ trí thức trong đội ngũ trí thức trình độ cao của xã hội phần nào cho thấy sự chuyển mình của xã hội đang hiện đại hóa và sự phát triển của phong trào nữ quyền.

⁷ Phan Trọng Báu, *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb Khoa học xã hội, 1994, tr.136.

⁸ Trịnh Văn Thảo, *Ba thế hệ trí thức người Việt (1862-1954): nghiên cứu lịch sử xã hội*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2013, tr.35-77.

⁹ Nguyễn Kim Dung, *Đại học Đông Dương với sự hình thành tầng lớp trí thức Việt Nam thời thuộc địa*, Tlđd, tr.87.

Về nghề nghiệp, đội ngũ trí thức được đào tạo từ các trường này có thể chia thành hai nhóm cơ bản: nhóm công chức, viên chức và nhóm trí thức hoạt động nghề nghiệp tự do.

Họ tham gia vào thị trường lao động ngày một đa dạng với những nghề nghiệp mới như giáo viên, họa sĩ, nhà văn, nhà báo, nhạc sĩ, kỹ sư, luật sư, nhân viên, thư ký, bác sỹ, chủ thầu... Họ là lực lượng chủ đạo cấu thành tầng lớp tiểu tư sản và trung lưu Việt Nam.

Phân bố nghề nghiệp của trí thức Đại học Đông Dương có sự chênh lệch đáng kể giữa các ngành nghề. Cự sinh viên theo học ngành pháp lý và văn chương (Su phạm) rất đông. Tiếp đến là ngành y. Cuối cùng là các ngành mỹ thuật, ngành kỹ thuật như công chính, thương mại, canh nông... Điều này cho thấy diện hoạt động mạnh của trí thức Đại học Đông Dương là trên lĩnh vực công chức, viên chức hành chính, văn hóa nghệ thuật, y học và mờ nhạt trong các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế cũng như thể hiện sự yếu kém của ngành kỹ thuật và thương mại Việt Nam.

Nhóm công chức, viên chức bị nhà cầm quyền Pháp, với âm mưu đè nén trí thức ở tầng lớp trung lưu, đối xử bất công, chỉ sử dụng họ vào vị trí công việc của các cán bộ cấp thấp - chủ yếu là thư ký và nhân viên văn phòng, trong bộ máy hành chính thực dân. Chỉ một bộ phận xuất thân thượng lưu, cấu kết với Pháp được trọng dụng.

Một số trí thức tìm cách thoát khỏi sự đè nén của hệ thống hành chính Pháp bằng việc chuyển sang các ngành nghề tự do. Họ hoạt động trong các cơ sở kinh tế tư nhân, bệnh viện, phòng khám tư, các văn phòng luật, các trường tư hay lĩnh vực văn nghệ, báo chí, xuất bản và in ấn. Lĩnh vực văn hóa là chọn lựa hàng đầu được đông đảo nhóm trí thức này hưởng ứng nhờ kế thừa truyền thống bút nghiên của các nho sĩ.

Nhưng do tính chất của hoạt động văn hóa nghệ thuật rất đa dạng, phong phú và rất sôi nổi, phóng khoáng nên không có sự tách bạch rõ ràng giữa hai nhóm trí thức này. Một công chức vẫn có thể tham gia hoạt động văn hóa nghệ thuật vì niềm đam mê, vì tinh thần muốn phục hưng văn hóa dân tộc... và có thể lãnh nhận nguồn thu nhập tương đối từ hoạt động này, đặc biệt là việc tham gia viết báo, sáng tác văn chương. Ngược lại, nhiều trí thức hoạt động văn hóa nghệ thuật tự do, do những bấp bênh của đời sống kinh tế, của sự kiếm sống bằng nghề viết, nghề sáng tác văn hóa nghệ thuật, thường hướng đến tìm kiếm một công việc công chức, viên chức, để có thể đảm bảo đời sống và phục vụ cho sáng tác.

Những trí thức sống chủ yếu bằng tham gia hoạt động trí óc tự do, thường làm nghề dạy học tư hoặc mở văn phòng luật kết hợp viết báo, viết văn, hay sáng tác nghệ thuật là nhóm đạt được nhiều thành công trong sáng tác nhất bởi tài năng, sự chuyên tâm và sống với nghề.

Sống trong xã hội thuộc địa nhiều biến động, trí thức Đại học Đông Dương cũng phải gánh chịu sự bấp bênh về mặt nghề nghiệp. Sự bấp bênh này được bộc lộ rất rõ trong cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội 1929-1933. Bắt đầu từ năm 1930, cuộc khủng hoảng xã hội tăng tốc. Trí thức trở thành thất nghiệp: từ năm 1937, hơn 300 sinh viên tốt nghiệp đại học không tìm được việc làm ở miền Nam¹⁰.

Mặt khác, tình trạng trí thức thất nghiệp trong khủng hoảng kinh tế, một lần nữa, cho thấy sự bất cập giữa đào tạo và thị trường lao động. Tình trạng này cộng thêm sự kì thị của chính quyền thực dân đối với trí thức bản xứ và việc chậm trễ trong giải quyết nạn thất nghiệp của giới cầm quyền đã làm thay đổi suy nghĩ của nhiều sinh viên, trí thức. Họ đã chọn con đường di trú, nhập cư tình nguyện vào chính quốc hoặc lén lút ra nước ngoài. Và điều này, một lần nữa, lại mang đến hệ lụy là ngày càng nhiều tư tưởng văn hóa, cách mạng tiến bộ được đưa về Việt Nam và nhiều nhóm chính trị, phong trào đấu tranh đòi độc lập của người Việt, đại diện là trí thức, bùng nổ ở chính quốc và nước ngoài.

Một nhóm khác có sự lựa chọn đặc thù chỉ có ở các nước thuộc địa bị thực dân cai trị, đó là tham gia vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Một số đi một con đường thẳng trở thành những người đứng đầu các phong trào đấu tranh chống Pháp như Nguyễn Thái Học... Một số chọn con đường hoạt động chính trị chuyên nghiệp một cách bí mật, hoặc bán công khai (vừa là viên chức, nhà báo, nhà văn vừa hoạt động cách mạng).

Về đời sống kinh tế, ngoại trừ bộ phận trí thức có vị trí trong bộ máy chính quyền Pháp, hoặc xuất thân hay bước vào tầng lớp tư sản, tiểu tư sản lớp trên nhờ sự nâng đỡ của thực dân Pháp hay những vận may hiếm hoi của kinh doanh ở xứ thuộc địa, thì đại bộ phận trí thức Việt Nam thời Pháp thuộc, trong đó có một bộ phận trí thức trình độ cao tốt nghiệp Đại học Đông Dương, đều không giàu có. Theo thống kê của Trịnh Văn Thảo về nguồn gốc xã hội của thế hệ trí thức năm 1925 thì tầng lớp trí thức trung lưu đông đảo nhất (chủ yếu là viên chức) chiếm 62%, trí thức bình dân (xuất thân nông dân, thợ thủ công, văn nghệ sĩ, lao động trí óc tự do) chiếm 15%, và trí thức thượng lưu (chủ yếu là viên chức, điền chủ, chủ thầu) chỉ chiếm 23%¹¹.

Đời sống văn hóa tinh thần phong phú, đa dạng và hiện đại là nét nổi bật của trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trí thức Tây học chính là lực lượng đi đầu trong cuộc vận động đời sống văn hóa mới sâu rộng trong xã hội cũng như trong văn hóa nghệ thuật.

Nhưng trí thức Việt Nam cũng chịu nhiều sự khống chế, đè nén của chính quyền thực dân về văn hóa, tư tưởng. Nhất là đối với những trí thức yêu nước, có tinh thần đấu tranh cho dân quyền và độc lập dân tộc, thực dân Pháp còn tìm mọi cách gây sức ép kinh

¹⁰ Trần Huy Liệu, Văn Tạo, Nguyễn Lương Bích, *Thời kỳ Mặt trận bình dân* (bằng tiếng Việt), Hà Nội, 1956.

¹¹ Trịnh Văn Thảo, *Ba thế hệ trí thức người Việt (1862-1954): nghiên cứu lịch sử xã hội*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2013, tr.139-140.

tế, chính trị lên đời sống của họ. Ngay cả những trí thức du học từ Pháp về, nghĩa là những người xét về mặt nào đó là danh giá và “tự do” hơn những trí thức bậc cao được đào tạo từ trường đại học thuộc địa, cũng không nằm ngoại lệ.

Đội ngũ trí thức được đào tạo từ trường đại học Pháp đã nhanh chóng trở thành một bộ phận quan trọng của tầng lớp trí thức Việt Nam. Nằm chủ yếu trong bộ phận trung lưu của xã hội, có học vấn cao, vốn tri thức văn hóa phương Tây phong phú, sâu sắc, bộ phận trí thức này có sức lan tỏa học vấn và phổ biến mạnh mẽ tri thức hiện đại nhờ những hoạt động văn hóa sôi nổi như làm báo, viết văn, lập hội (Hội truyền bá chữ Quốc ngữ...), đặc biệt là nhờ vị trí giáo viên trong hệ thống trường Pháp-Việt.

3. Trí thức Việt Nam từ Đại học Đông Dương với công cuộc hiện đại hóa đất nước đầu thế kỷ XX

Lòng yêu nước, ý chí muốn phục hưng dân tộc, hiện đại hóa, hòa nhập vào phương Tây là tư tưởng bao trùm giới trí thức Tây học, đặc biệt là trí thức Đại học Đông Dương. Đóng góp của đội ngũ trí thức trường Đại học Đông Dương vào công cuộc hiện đại hóa đất nước thể hiện trên ba lĩnh vực chủ yếu: văn học - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật và giáo dục.

Văn học - nghệ thuật, chỉ mấy chục năm, với khát khao cháy bỏng và sức làm việc không mỏi mệt của đội ngũ văn nghệ sĩ này, nền văn học - nghệ thuật Việt Nam thay da đổi thịt một cách nhanh chóng, thực sự đã tạo nên một “cuộc cách mạng trong văn học - nghệ thuật” những năm 30 - 40 của thế kỷ XX. Phong trào Thơ mới mang đến nguồn cảm hứng và thi pháp hiện đại cho thơ ca Việt Nam. Nền văn xuôi hiện đại ra đời với nhiều nhà văn và hàng loạt các tác phẩm, trong đó nổi bật là văn xuôi của nhóm Tự lực văn đoàn. Tân nhạc Việt Nam ra đời cùng với sự xuất hiện của thế hệ nhạc sĩ trẻ như Đoàn Mẫn, Đặng Thế Phong, Phạm Duy, Văn Cao... đều là trí thức Đại học Đông Dương. Vì Huyền Đắc, cựu sinh viên trường Mỹ thuật Đông Dương góp công lớn vào sự hình thành nền kịch nói Việt Nam hiện đại. Trường Mỹ thuật Đông Dương đã tạo nên nền Mỹ thuật Việt Nam hiện đại với các tên tuổi như Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Nam Sơn, Bùi Xuân Phái...

Cuộc cách mạng này được hỗ trợ đắc lực từ sự phát triển của báo chí - xuất bản. Năm 1929, Việt Nam có 154 tờ báo, tạp chí và đỉnh cao nhất là năm 1938 có 400 tờ báo bao gồm phong phú các thể loại với chữ quốc ngữ, chữ Pháp, Anh, Trung Quốc...¹² Các tờ báo: *Đông Dương tạp chí, Nam Phong, Trung Bắc tân văn, Trung Bắc chủ nhật, Phụ nữ tân văn, Đông Pháp, Ngày nay, Hữu Thanh tạp chí, Thanh Nghị, Tri Tân*, v.v...; các nhà xuất bản: Nam Đồng Thư xã, Tân Dân... trở thành nơi hội tụ nhiều cây bút của Đại học Đông Dương.

¹² Đỗ Quang Hưng, *Lịch sử báo chí Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.113.

Trên lĩnh vực *khoa học - kỹ thuật* nổi bật hơn cả là đóng góp của ngành Y và các trí thức trường Y Đông Dương. Trước tiên cần phải kể đến là Alexandre Yersin và cộng sự tại Viện Paster Nha Trang trong việc điều chế và sản xuất huyết thanh. Đây là thành tựu quan trọng, có tầm cỡ quốc tế của nền Y học Việt Nam thời cận đại.

Tiếp đến là các công trình nghiên cứu của Giáo sư Đỗ Xuân Hợp, chuyên gia giải phẫu đầu tiên của Việt Nam. Ông cùng với giáo sư P.Huard - Viện trưởng Viện giải phẫu trường Đại học Y Dược Hà Nội, xuất bản 9 tập Công trình của Viện Giải phẫu, nổi tiếng với cuốn sách *Hình thái học Người và Giải phẫu nghệ thuật* (Morphologie humaine et Anatomie artistique) được giải thưởng của Viện Hàn lâm Pháp.

Giáo sư Đặng Văn Ngữ bảo vệ luận án năm 1936 với đề tài : "Góp phần nghiên cứu về lâm sàng và bệnh căn các áp xe gan ở Bắc Kỳ". Ông công bố nhiều công trình nghiên cứu, tiêu biểu là phát hiện thấy loài sán Clonorchis sinensis (Sán lá gan nhỏ) còn có thể ký sinh ở tụy, phát hiện loài muỗi chưa từng được biết và đặt tên là Anopheles tonkinensis (1940), thực nghiệm thành công bệnh sán nhái ở nòng nọc...

Giáo sư Tôn Thất Tùng là người đầu tiên phẫu tích được toàn bộ các đường dẫn mật trong gan, sau này có ứng dụng rất to lớn trong công trình cắt gan khô được giới Y học phương Tây đánh giá rất cao. Luận án bảo vệ năm 1940 của ông: "Sự phân bố tĩnh mạch trong gan và các ứng dụng trong cắt gan và cắt thùy gan" là khởi đầu cho một công trình suốt đời.

Trong ngành kiến trúc phải kể đến các gương mặt tiêu biểu đều là cựu sinh viên Đại học Đông Dương: kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng - người góp công lớn vào trùng tu Tử trấn Hà Nội, dựng Cầu Thê Húc và chùa Một Cột; kiến trúc sư Ngô Viết Thụ - kiến trúc sư đầu tiên của Việt Nam được giải thưởng Roma về kiến trúc, một bậc thầy về phong thủy trong kiến trúc.

Trí thức Đại học Đông Dương, tiêu biểu như Dương Quảng Hàm, Hoàng Minh Giám..., qua các bài khảo cứu về văn học, sử học trên tạp chí *Nam Phong*, tạp chí *Tri Tân* cùng hoạt động của nhóm trí thức Viện Viễn Đông Bác Cổ trong các công trình khảo cổ học, dân tộc học, đã tạo nền tảng cho các ngành *khoa học xã hội* ở Việt Nam thời kỳ sau. Nguyễn An Ninh, Đặng Thai Mai và các trí thức theo Chủ nghĩa Mác - Lê nin với các bài nghị luận trên báo chí đã góp phần đưa chủ nghĩa duy vật biện chứng vào hiện đại hóa triết học Việt Nam.

Giáo dục. Số đông các trí thức Đại học Đông Dương đã lựa chọn nghề dạy học sau khi tốt nghiệp. Trên lĩnh vực truyền thụ tri thức và đào tạo con người, họ có những đóng góp nổi bật vào hiện đại hóa nền giáo dục phổ thông. Các cựu sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm: Lê Thước, Dương Quảng Hàm, Đặng Thai Mai, Cao Xuân Huy, Phạm Thiều, Ca Văn Thỉnh, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Khánh Toàn... là những nhà sư phạm mẫu mực, những nhà nghiên cứu văn hóa lỗi lạc của Việt Nam.

Đội ngũ trí thức được đào tạo từ trường đại học Pháp ở Việt Nam đã trở thành cầu nối giữa văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam. Sự ra đời và hoạt động của đội ngũ trí thức này có sức ảnh hưởng lớn đến cuộc hiện đại hóa ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Được đào tạo bài bản tại trường đại học, những trí thức này đã khéo léo kết hợp giữa vốn tri thức Á Đông với tri thức Tây phương hình thành tri thức mới, con người mới, như những mũi xung kích trong cuộc hiện đại hóa nền văn hóa xã hội nước nhà. Nhiều người trở thành những nhà chuyên môn tài giỏi, có nhiều đóng góp lớn cho nền khoa học kỹ thuật của đất nước. Nhiều người lại biết vận dụng những tri thức khoa học, những tư tưởng tiên bộ trong trường đại học làm lý luận và phương pháp đấu tranh cách mạng, đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, trở thành những nhà chính trị, những lãnh tụ của phong trào cách mạng. Dù “số phận lịch sử” của đội ngũ trí thức ưu tú này sau năm 1945 có rất nhiều biến động nhưng những đóng góp của họ cho công cuộc hiện đại hóa đất nước thời thuộc địa luôn được ghi nhận.

Đương thời, đội ngũ trí thức Đại học Đông Dương là một bộ phận quan trọng, có học thức cao nhất của tầng lớp trí thức Việt Nam. Họ là một thế hệ trí thức mới rất năng động và có tinh thần dân tộc sâu sắc. Trí thức Đại học Đông Dương tiếp tục kế thừa tri thức và phẩm chất của những trí thức Tây học thế hệ đầu tiên như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Trọng Kim, Phạm Duy Tốn... Họ tự nguyện gia nhập vào trường đại học Pháp để tiếp thu tri thức khoa học tiên tiến nhất và trở thành những “người Việt Nam ưu tú”. Được hun đúc lòng yêu nước, ý chí quyết tâm lật đổ ách thống trị của thực dân giành độc lập dân tộc từ truyền thống và trong phong trào yêu nước đang sôi sục khắp cả nước lúc đó, nhiều trí thức Đại học Đông Dương đã trở thành những nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc như Võ Nguyên Giáp, Phạm Ngọc Thạch, Hoàng Minh Giám... Trí thức Việt Nam từ trường Đại học Đông Dương là lực lượng quan trọng làm nên Cách mạng tháng Tám năm 1945. Khi Việt Minh lên nắm quyền sau Cách mạng tháng Tám 1945, phần lớn đội ngũ trí thức, dù theo các đảng phái, các quan điểm chính trị khác nhau, đều sẵn sàng tập hợp dưới lá cờ của Việt Minh, bởi tiếng gọi của lòng yêu nước, của dân tộc. Sau đó, một số trí thức Đại học Đông Dương tiêu biểu đã trở thành những nhân vật quan trọng trong Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Phụ lục
Sơ lược tiểu sử trí thức Việt Nam học tại Đại học Đông Dương

TT	Họ và tên	Năm sinh, mất	Nơi sinh	Xuất thân	Trình độ học vấn	Nghề nghiệp, chức vụ	Đặc điểm về sự nghiệp văn chương và hoạt động chính trị
1	Nguyễn Văn Thịnh	1888-1947	Nam Kì	Con điền chủ	học Y khoa Hà Nội, sau học Y khoa nội trú Paris	Bác sĩ đại diện cho các chủ điền trang lớn Nam Kì tại Hội đồng thực dân, Bộ trưởng nền Cộng hòa tự trị Nam Kì	Tự sát, tác giả nhiều công trình Y khoa nhiệt đới
2	Nguyễn Mạnh Bảo	1911	Bắc Giang	Văn thân	Tốt nghiệp khoa Kiến trúc, Đại học Đông Dương (1936)	Viết văn, cựu Bộ trưởng chính quyền Ngô Đình Diệm	Tác giả Dịch Kinh tân khảo (1957-1958), Đại Đồng thuyết (1951)
3	Phan Văn Chánh	1906-1945	Biên Hòa	Con viên chức hành chính thực dân	Học Y khoa Hà Nội dang dở do bị trục xuất vì lý do chính trị	Cộng tác với Tạ Thu Thâu LaLute	
4	Cù Huy Cận	1919-2005	Hà Tĩnh	Văn thân	Tốt nghiệp trường Canh nông, Đại học Đông Dương	Nhà thơ, chiến sĩ cách mạng, cựu Bộ trưởng Bộ Văn hóa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	Tác giả Lửa thiêng (1940).
5	Vũ Hoàng Chương	1916-1976	Nam Định	Văn thân	Học Luật (1938), và Toán	Giảng dạy trung học và là nhà thơ lãng mạn	Tác giả: Thơ say (1940), Mây (1943), Vân muội (1944)
6	Vi Huyền Đắc	1899-1976	Hải Phòng	Cha là chủ hãng, mẹ sinh ra trong gia đình văn thân	Hán học, tốt nghiệp Mỹ thuật Đông Dương	Làm nhiều nghề, sau làm biên kịch	Tác giả Kinh Kha (1937), Kim Tiền (1959)
7	Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long	1907-1948	Hải Dương	Con thứ tư gia đình viên chức	Học Luật tại Hà Nội, đỗ bằng cử nhân Tham tán Lục sự tại Tòa Hà Nội.	Làm báo, dạy học, xuất bản (Tự lực văn đoàn) và làm chính trị (Việt Nam quốc dân đảng, Đại Việt). Bị giam 1940-1943, trốn sang Trung Quốc và mất vì bệnh tim	Tác giả: Mười điều tâm niệm (1938), Bùn lầy nước đọng (1939), Con đường sáng (1940)
8	Nguyễn Minh Duệ	1916-1947	Tân An	Con nho sĩ canh tân	Tốt nghiệp Cao đẳng Thương mại	Lãnh đạo công ty Liên Thành	Hí sinh khi rơi vào phục kích của quân đội Pháp trong khi làm nhiệm vụ
9	Dương Quảng Hàm	1898-1946	Hưng Yên	Văn thân	Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Đại học Đông Dương	Dạy trung học và phê bình văn học	TG: Việt Nam văn học sử yếu
10	Võ Nguyên Giáp	1910	Quảng Bình	Văn thân	Học Luật	Dạy Lịch sử tại trường Thăng Long.	Tác giả các tác phẩm quan trọng về chiến

						Cựu Bộ trưởng Quốc phòng trong chiến tranh Việt Nam (1945-1975)	tranh của dân tộc (Chiến tranh nhân dân, Quân đội nhân dân)
11	Phan Văn Hùm	1902-1945	Gia Định	Văn thân	Trường Công chính. Cao đẳng Triết học Sorbonne	Dạy tư, thành viên Trosky của La Lute	TG: Biện chứng pháp (1941), Phật giáo triết học (1941), Vương Dương Minh (1941), Nổi lòng Đồ Chiểu (1957)
12	Nguyễn Thái Học	1902-1930	Vĩnh Yên	Nông dân	Chuyên ngành Thương mại của Đại học Đông Dương	Dạy học, lãnh đạo Việt Nam Quốc dân Đảng	Bị xử tử trong khởi nghĩa Yên Bái
13	Nguyễn Tiên Lãng	1910-1980.	Văn Lang, Thái Nguyên/ Hà Đông	Con nho sĩ làm quan	Học Luật	Thư ký của Hoàng hậu Nam Phương. Cộng tác với Hữu Thanh, Annam tạp chí, Nam Phong, Đuốc Nhà Nam	TG: Tình xưa (1932), Tiếng ngày xanh (1939).
14	Thạch Lam Nguyễn Tường Lân	1909-1943	Hải Dương	Con viên chức	Trung học Albert Sarraut, học Cao đẳng Canh nông một thời gian	Nhà báo, nhà văn của Tự lực văn đoàn	TG: Sợi tóc, Năng trong vườn
15	Vũ Khắc Khoan	1917-1986	Hà Nội	Văn thân	Học Y sau chuyển sang học và tốt nghiệp Cao đẳng Canh nông	Soạn kịch, viết báo. Sáng lập Hoa Quỳnh kịch xã, Sông Hồng kịch xã	TG: Giao thừa (1951), Thần Tháp Rùa (1958), Thành Cát Tư Hãn (1962)
16	Nguyễn Hiến Lê	1912-1984	Hà Nội	Văn thân	Cao đẳng Công chính	Viên chức, viết văn, xuất bản. Cộng tác với tạp chí Tân Việt Nam (1945), Bách Khoa, Đại học	TG: Đại cương văn hóa sử Trung Quốc (1955-1956), Hương sắc trong vườn (1962)
17	Vũ Đình Long	1896-1960	Thanh Oai, Hà Nội	Con chủ thầu	Cao đẳng Y - Dược	Dạy học, soạn kịch, giám đốc Tân Dân	TG: Chén thuốc độc (1921), Tòa án lương tâm, Đàn bà mới
18	Dương Bạch Mai	1904-1964	Bà Rịa	Con điền chủ	Trường Thương mại. Sang Pháp, sang Matxcova học Đại học phương Đông	Về Việt Nam dạy học, thành viên La Lute	
19	Thế Lữ Nguyễn Thứ Lễ	1907-1989	Phù Đổng, Tiên Du, Bắc Ninh	Con viên chức nhỏ	Trường Mỹ thuật	Thành viên Tự lực văn đoàn, hoạt động sân khấu	TG: Mấy vần thơ (1935), Trại Bò Tùng Linh (1941)
20	Nguyễn Triệu Luật	1946	Bắc Ninh	Văn thân	Cao đẳng Sư phạm Hà Nội	Giảng dạy, văn sĩ nhóm Tân Dân	Thành viên Việt Nam Quốc dân Đảng. TG: Bà Chúa Chè
21	Trần Đình Nam	1898-1972	Huế (Quảng Nam)	Văn thân	Tốt nghiệp Y khoa Hà Nội	Bác sĩ, chiến sĩ dân tộc chủ nghĩa theo xu hướng của Phan Bội	Cộng tác với tạp chí Nam Phong

						Châu, Bộ trưởng Nội các Trần Trọng Kim	
22	Đặng Thai Mai	1902-1985	Lương Điền, Nghệ An	Văn thân	Cao đẳng Sư phạm Hà Nội	Dạy trường Quốc học Huế, Trung học Thăng Long, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Chính phủ Hồ Chí Minh	Uyên thâm trong đào tạo theo chủ nghĩa Marx và văn học Trung Quốc. TG: Lôi Vũ (1946), Văn học khái luận (1944), Lỗ Tấn (1944)
23	Hoàng Như Mai	1918	Hà Nội	Văn thân	Học Luật Hà Nội	Giảng viên khoa Văn đại học	Nhà soạn kịch, trước chiến tranh cộng tác với tạp chí Hàn Thuyên. TG: Tiếng trống Hà Hồi (1951)
24	Tương Phố Đỗ Thị Đàm	1898-1973	Lạng Sơn		Học trường Cao đẳng Y, ngành Hộ sinh. Tốt nghiệp trường Sư phạm Nữ sinh Hà Nội	Nhà thơ	TG: Giọt lệ thu (1923), Mưa gió sông Tương (1960)
25	Nguyễn Nhược Pháp	1914-1938	Hà Nội	Con nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh	Học Luật	Cộng tác với nhiều tạp chí: Đông Dương tạp chí, Hà Nội báo, Tinh Hoa	TG: Ngày xưa
26	Hoàng Ngọc Phách	1896-1973	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Cha là chiến sĩ cảm tình phong trào Cần vương	Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm	Giảng dạy (Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội)	TG: Tô Tâm
27	Nguyễn An Ninh	1900-1943	Lương Hưng, Chợ Lớn	Con nho sĩ tân thời	Học Luật tại Hà Nội, sau đó tại Paris	Sáng lập và viết báo La cloche fêlée	Mất tại nhà tù Côn Đảo. TG: Nước Pháp tại Đông Dương
28	Nguyễn Đức Quỳnh	1909-1974	Hung Yên	Không rõ	Trường Canh nông	Dạy tư và viết báo: Khoa học tạp chí, Tiếng trẻ, Thời thế, Quốc gia...	Thành viên sáng lập nhóm Hàn Thuyên. TG: Thăng Cu So (1941), Thăng Phụng (1941), Thăng Kinh (1942)
29	Huỳnh Văn Phương	1906-1945	Mỹ Tho	Con điền chủ	Học Luật tại Pháp. Bị trục xuất sau các sự kiện khởi nghĩa Yên Bái. Đạt bằng Cử nhân tại Hà Nội	Dạy tư, tham gia nhóm Trosky (Nhóm La Lutte)	TG: Đồng bạc và giai cấp công nhân (1935), Công nhân vận động (1937)
30	Lê Văn Siêu	1911-1995	Hà Nội	Không rõ	Trường Công chính (Hà Nội)	Viên chức	Thành viên nhóm Hàn Thuyên. TG: Tương lai kỹ nghệ Việt Nam, Luân lí thực nghiệp
31	Nguyễn Văn Tâm	1895-1990	Tây Ninh	Bình dân (buôn bán)	Luật (Đại học Đông Dương)	Dạy học, Đốc phủ sứ thực dân, đứng đầu	Đại diện cho tầng lớp tư sản thân Pháp Nam

						chính phủ Bảo Đại từ 1952-1953	Kỳ.
32	Nghiêm Toản	1907-1975	Nam Định	Không rõ	Cao đẳng Sư phạm Hà Nội	Giảng dạy tại khoa Văn Đại học Sài Gòn	TG: Việt Nam văn sử trích yếu (1949), Thi văn Việt Nam (cùng Xuân Hãn) (1951)
33	Nguyễn Huy Tường	1912-1960	Từ Sơn, Bắc Ninh	Trung lưu	Cao đẳng Hà Nội	Nhà văn	Cộng tác với Tri Tân (1944-1945) TG: Bắc Sơn

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Trịnh Văn Thảo, Ba thế hệ trí thức người Việt (1862-1954): nghiên cứu lịch sử xã hội, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013.

Tài liệu tham khảo

Đình Xuân Lâm, “Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, nơi đào tạo các nhà giáo dục và nghiên cứu văn hóa dân tộc lỗi lạc”, trong *Kỷ yếu Hội thảo 100 năm nghiên cứu và đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

Đỗ Quang Hưng, *Lịch sử báo chí Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.

Nguyễn Mạnh Tường, *Lý luận giáo dục Châu Âu: Từ É rasme tới Rousseau thế kỷ XVI, XVII, XVIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

Nguyễn Văn Khánh, *Một số vấn đề về trí thức Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2001.

Phan Trọng Báu, *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

Trần Thị Phương Hoa, *Giáo dục Pháp-Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.

Trịnh Văn Thảo, *Ba thế hệ trí thức người Việt (1862-1954): nghiên cứu lịch sử xã hội*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2013.

Trịnh Văn Thảo, *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2009.